

QUAN HỆ VIỆT NAM - TRUNG QUỐC TRÊN LĨNH VỰC KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2008-2021

TS NGUYỄN THỊ THÚY
Học viện Chính trị khu vực I

♦ **Tóm tắt:** Từ khi thiết lập quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện (năm 2008) cho đến nay, quan hệ Việt Nam - Trung Quốc ngày càng phát triển trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế. Bài viết tập trung phân tích những thành tựu và hạn chế trong quan hệ kinh tế Việt Nam - Trung Quốc giai đoạn 2008-2021, từ đó, đưa ra một số khuyến nghị đối với Việt Nam trong quan hệ kinh tế với Trung Quốc thời gian tới.

♦ **Từ khóa:** Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc; Kinh tế; Đối tác hợp tác chiến lược toàn diện.

Ngày nhận: 13-8-2021

Ngày thẩm định: 14-9-2021

Ngày duyệt đăng: 18-01-2022

1. Những thành tựu trong quan hệ kinh tế Việt Nam - Trung Quốc giai đoạn 2008-2021

Trên lĩnh vực thương mại: Năm 2008, kim ngạch thương mại song phương đạt trên 20,18 tỷ USD, tăng 535 lần so với năm 1991 (thời điểm bình thường hóa quan hệ). Mặc dù kinh tế thế giới chịu khủng hoảng nặng nề nhưng kim ngạch thương mại hai nước trong năm 2009 vẫn tăng trên 5% và tỷ trọng vẫn tăng dần ở các năm tiếp theo (năm 2010 đạt 27,3 tỷ USD, năm 2011 là 35,1 tỷ USD, năm 2012 đạt 41,18 tỷ USD, năm 2014 đạt gần 64 tỷ USD; năm 2015 đạt trên 66 tỷ USD; năm 2016 đạt gần 72 tỷ USD)¹. Riêng năm 2017, tổng kim ngạch thương mại Việt - Trung đạt 121,3 tỷ USD, tăng 23,4%².

Từ năm 2018, kim ngạch thương mại song phương hai nước đã vượt qua mức 100 tỷ USD: trong đó năm 2018 đạt 106,71 tỷ USD,

năm 2019 đạt 116,86 tỷ USD và năm 2020 đạt 133,09 tỷ USD

Năm 2021 quan hệ thương mại Việt - Trung tiếp tục chịu ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, nhưng kim ngạch thương mại giữa hai nước vẫn đạt 63,6 tỉ USD³.

Về cơ cấu hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc: Cơ cấu trên chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng hàng nguyên liệu thô hoặc sơ chế, tăng tỷ trọng hàng chế biến, chế tạo (gồm cả hàng nhiên liệu chế biến, hàng nông thủy sản chế biến và hàng công nghiệp chế biến chế tạo).

Về cơ cấu hàng hóa nhập khẩu: Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc tập trung vào hai nhóm lớn: *Nhóm 1* là máy móc, thiết bị, linh kiện; *nhóm 2* là nguyên phụ liệu đầu vào các ngành công nghiệp và công nghiệp chế biến.

Trong 6 tháng đầu năm 2021, một số mặt hàng nhập khẩu từ Trung Quốc vẫn duy trì mức tăng trưởng cao như máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 9,5 tỷ USD, tăng 45%; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng đạt 11,9 tỷ USD, tăng 73%. Đặc biệt nhóm mặt hàng nguyên phụ liệu dệt may, da giày (bao gồm bông, xơ sợi dệt, vải các loại...), Trung Quốc vẫn là thị trường cung cấp lớn nhất, chiếm tỷ trọng 51% với 6,94 tỷ USD, tăng 41% so với cùng kỳ năm trước⁴.

Nhìn lại quá trình phát triển quan hệ thương mại hai nước có thể nhận thấy một số điểm sau:

Một là, tính bổ sung lẫn nhau trong hợp tác phát triển kinh tế giữa hai nước được thể hiện qua cơ cấu thương mại hàng hoá. Sự tăng trưởng của thương mại song phương thời gian qua, kể cả trong bối cảnh dịch bệnh, tiếp tục phản ánh mức độ phụ thuộc của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc cả về xuất khẩu và nhập khẩu, trong đó có nhập khẩu nguyên liệu đầu vào cho sản xuất của một số ngành và xuất khẩu nhiều mặt hàng nông sản mang tính thời vụ cao và chưa được chế biến;

Hai là, phương thức mậu dịch ngày càng đa dạng. Từ chỗ chủ yếu thông qua trao đổi hàng hóa tại khu vực biên giới hai nước (giữa các tỉnh biên giới phía Bắc nước ta với hai tỉnh Quảng Tây, Vân Nam của Trung Quốc), thương mại hàng hóa song phương đã mở rộng đến các tỉnh, thành phố khác nằm sâu trong nội địa như Trùng Khánh, Giang Tô, Chiết Giang, Thượng Hải... Trong hoạt động mậu dịch biên giới cũng đa dạng với các hình thức như xuất, nhập khẩu chính ngạch, tiểu ngạch và qua đường mòn, lối mở... Hai nước đang chủ trương thúc đẩy hoạt động biên mậu chính ngạch với các loại hình như tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh, gia công...;

Ba là, bộ mặt xã hội, đời sống nhân dân biên giới hai nước có nhiều thay đổi tích cực. Hoạt động xuất, nhập khẩu ngày càng tăng cùng với sự ra đời của hàng loạt các cặp cửa khẩu đã giúp các địa phương giữa hai nước điều chỉnh cơ cấu kinh tế phù hợp với xu thế mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Trên lĩnh vực đầu tư:

Một là, đầu tư của Trung Quốc vào Việt Nam tăng về số lượng và quy mô dự án. Nếu như trong 9 năm, kể từ khi bình thường hóa quan hệ (tháng 11-1991 - 12-1999), Trung Quốc mới có 76 dự án với tổng số vốn đầu tư theo giấy phép là 120 triệu USD, thì 10 năm sau - đến tháng 12-2009, đã có 657 dự án với tổng số vốn đăng ký là 2.674 triệu USD. Như vậy, số dự án đầu tư của Trung Quốc tại Việt Nam đã tăng hơn 8 lần, số vốn đăng ký tăng 22 lần so với 9 năm đầu sau khi bình thường hóa quan hệ, đưa Trung Quốc lên vị trí 11 trong số 43 quốc gia và vùng lãnh thổ đang đầu tư trực tiếp tại Việt Nam. Lũy kế đến ngày 20-10-2020, tổng vốn đầu tư từ Trung Quốc đại lục, Đài Loan và Hồng Kông vào Việt Nam đạt trên 76 tỷ USD, vượt qua tổng vốn đầu tư vào Việt Nam từ trước tới nay của Hàn Quốc (70,4 tỷ USD), Nhật Bản (gần 60 tỷ USD) và Singapore (55,7 tỷ USD). Từ chỗ không nằm trong “top 10” nhà đầu tư lớn vào Việt Nam, đến nay, vốn của các nhà đầu tư Trung Quốc luôn đứng ở vị trí thứ 6 tại Việt Nam với 3.061 dự án⁵. Hơn nữa, quy mô các dự án đầu tư của Trung Quốc cũng không ngừng mở rộng. Tính đến hết quý 3-2020, các nhà đầu tư Trung Quốc có khá nhiều dự án, chiếm tỷ lệ 20%, với tổng giá trị 300 triệu USD; trong đó, đầu tư tập trung ở các khu công nghiệp Đình Vũ (Hải Phòng), Hòa Phú (Bắc Giang), Nam Tân Uyên (Bình Dương) và Châu Đức (Bà Rịa - Vũng Tàu)⁶.

Hai là, có sự chuyển hướng trong đầu tư. Đầu tư của Trung Quốc tại Việt Nam đã có sự chuyển hướng từ lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và hàng tiêu dùng là chủ yếu sang công nghiệp chế biến, chế tạo. Trong 17 ngành Trung Quốc có đầu tư ở Việt Nam hiện nay, công nghiệp chế biến, chế tạo đứng đầu với 916 dự án, tổng vốn đăng ký là 5,38 tỷ USD, chiếm 68% số dự án và 52% tổng vốn đầu tư. Tiếp theo là lĩnh vực sản xuất, phân phối điện, khí, nước, điều hòa, xây dựng, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản... Ngoài ra, đầu tư của Trung Quốc còn phân bố rải rác ở một số lĩnh vực

khác như kinh doanh bất động sản, dịch vụ lưu trú và ăn uống, khai khoáng, thông tin truyền thông...

Ba là, có sự thay đổi về hình thức đầu tư. Trước đây, đại đa số các dự án đầu tư trực tiếp của doanh nghiệp Trung Quốc vào Việt Nam là theo hình thức liên doanh với các doanh nghiệp Việt Nam, nhưng trong 10 năm trở lại đây đã có sự thay đổi rõ rệt. Đến năm 2016, vốn đầu tư của Trung Quốc tập trung chủ yếu theo hình thức 100% vốn nước ngoài với 1.058 dự án, tổng vốn đầu tư là 5,6 tỷ USD, chiếm 78,6% số dự án và 54,3% tổng vốn đăng ký. Hình thức hợp đồng BOT, BT (xây dựng - chuyển giao), BTO (xây dựng - chuyển giao - kinh doanh) có 3 dự án với tổng vốn đầu tư là 2,06 tỷ USD, chiếm 20% tổng vốn đầu tư. Số vốn còn lại tập trung trong các dự án liên doanh và hợp đồng hợp tác kinh doanh. Ngoài ra, Trung Quốc cũng đang đa dạng hóa cách thức đầu tư. Nếu như trước đây, các doanh nghiệp Trung Quốc chủ yếu đầu tư thông qua liên doanh, mua lại các doanh nghiệp Việt Nam thì hiện nay, có nhiều dự án 100% vốn FDI được thành lập. Trong năm 2020, đã có 476 dự án (gồm 343 dự án mới và 134 dự án tăng vốn) được hình thành với tổng số vốn lên tới 2,46 tỷ USD⁷.

Bốn là, mở rộng về địa bàn đầu tư. Trung Quốc chủ yếu tập trung đầu tư vào các địa phương có điều kiện cơ sở hạ tầng tương đối thuận lợi, gần biên giới Việt Nam - Trung Quốc và có nhiều người Hoa sinh sống như Lào Cai, Thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Hải Phòng... Hiện nay, đầu tư trực tiếp của Trung Quốc cũng đã hướng đến một số tỉnh biên giới tiếp giáp với Trung Quốc của Việt Nam, vốn là những tỉnh có cơ sở hạ tầng kém, trình độ phát triển thấp, khó thu hút vốn đầu tư nước ngoài như Lào Cai, Lạng Sơn, Cao Bằng, Lai Châu... Điều này phản ánh kết quả của việc tăng cường hợp tác giữa các địa phương hai nước, đặc biệt là sự đẩy mạnh hợp tác với Việt Nam của một số tỉnh Trung Quốc như: Quảng Đông, Vân Nam, Quảng Tây, một

xu hướng mới trong phát triển quan hệ Việt Nam - Trung Quốc thời gian qua.

Tuy nhiên, các dự án đầu tư của Trung Quốc ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam chủ yếu tập trung vào khai thác khoáng sản, nguyên vật liệu thế mạnh của địa phương như dự án chế biến tinh quặng sắt titan ở Thái Nguyên, dự án xây dựng nhà máy khai thác và chế biến antimon, khai thác và tuyển quặng sắt ở Hà Giang...

2. Những hạn chế trong quan hệ kinh tế Việt Nam - Trung Quốc giai đoạn 2008-2021 và nguyên nhân

* Về hạn chế

Trên lĩnh vực thương mại

Việt Nam nhập siêu từ Trung Quốc tiếp tục gia tăng: Trung Quốc hiện là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam, song sự mất cân bằng trong quan hệ thương mại song phương thời gian qua chưa được cải thiện nhiều. Năm 2020, nhập siêu của Việt Nam từ thị trường Trung Quốc lên tới 35,2 tỷ USD, tăng 3,74% so với năm 2019. Xuất khẩu của Việt Nam tới Trung Quốc đạt 48,9 tỷ USD, tăng 17,9%⁸ và trong 7 tháng đầu năm 2021 lên 34,32 tỷ USD⁹.

Việt Nam phụ thuộc nguyên vật liệu đầu vào từ thị trường Trung Quốc: Nguyên phụ liệu chủ yếu của hầu hết các ngành sản xuất có kim ngạch xuất khẩu cao như dệt may, nông nghiệp... đều phải nhập từ Trung Quốc. Hậu quả là, sản xuất công nghiệp Việt Nam quá phụ thuộc vào công nghiệp phụ trợ của Trung Quốc, càng đẩy mạnh xuất khẩu thì càng nhập siêu lớn từ Trung Quốc.

Hoạt động thương mại biên giới giữa hai nước còn nhiều bất cập: Tình trạng buôn lậu, trốn thuế, gian lận thương mại, hàng giả hàng kém chất lượng... vẫn tiếp diễn, ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường kinh doanh và tâm lý người tiêu dùng. Phía Trung Quốc thường xuyên siết chặt kiểm tra, kiểm dịch đối với các mặt hàng xuất khẩu sang Trung Quốc mà không thông báo trước hoặc thông báo chậm trễ cho phía Việt Nam khiến xảy ra tình trạng ùn ứ hàng nông sản xuất khẩu của nước ta tại các cửa khẩu biên giới. Một số mặt

hàng nông sản, chăn nuôi xuất khẩu sang Trung Quốc (như hoa quả, thịt lợn) gặp nhiều rủi ro khi Trung Quốc siết chặt đường tiêu ngạch...¹⁰.

Trên lĩnh vực đầu tư hai nước còn tồn tại một số bất cập

Quy mô đầu tư của Trung Quốc ở Việt Nam nhỏ và chưa tương xứng với tiềm năng thực tế. Trong những năm gần đây, quy mô của dự án đầu tư đã tăng, đã xuất hiện nhiều dự án có vốn đầu tư hàng trăm triệu USD. Song bên cạnh đó, vẫn có những dự án có vốn đầu tư dưới 500.000 USD, thậm chí, có dự án dưới 100.000 USD, như: dự án xuất nhập khẩu, bán buôn nguyên liệu và phụ gia làm thức ăn cho gia súc 11.000 USD; dự án cấp dịch vụ, chứng nhận hệ thống quản lý tiêu chuẩn quốc tế, chất lượng sản phẩm 15.000 USD... Quy mô đầu tư nhỏ đã kéo theo tình trạng hầu hết các dự án đầu tư của Trung Quốc có công nghệ thấp, chỉ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng phổ thông¹¹.

FDI của Trung Quốc đầu tư vào Việt Nam còn kém xa các nước trong ASEAN. Đầu tư của Trung Quốc vào ASEAN trong năm 2015 đạt 8,2 tỷ USD, trở thành nguồn FDI lớn thứ tư của ASEAN, và chỉ riêng 9 tháng đầu năm 2020, con số này đã là 10,72 tỷ USD, tăng 76,6% so với cùng kỳ năm 2019¹². Trong khi đầu tư của Trung Quốc vào Việt Nam còn hạn chế thì liên tục trong những năm gần đây, đầu tư của Trung Quốc ở Lào, Campuchia gia tăng mạnh mẽ. Tại Lào, đầu tư của Trung Quốc vào Lào đã tăng từ 800.000 USD năm 2003 lên 1,24 tỷ năm 2018, đứng thứ 4 trong ASEAN (chỉ sau ba nước là Singapore, Indonesia, Malaysia), đồng thời, xếp thứ 17 trong danh sách các quốc gia trên thế giới nhận nhiều đầu tư nhất từ Trung Quốc. Tại Campuchia, trong năm 2018, đầu tư của Trung Quốc đã chiếm 26% tổng vốn FDI, nhiều hơn tất cả các nước ASEAN cộng lại (25%) và vượt trước các nhà đầu tư lớn khác như Hàn Quốc và Nhật Bản.

Hệ thống pháp luật về đầu tư của Việt Nam chưa hoàn thiện, cơ sở hạ tầng, các ngành công nghiệp phụ trợ, logistic còn nhiều bất cập. Ngoài ra, một số doanh nghiệp Trung Quốc không giữ

chữ tín, ý thức thương hiệu, dịch vụ hậu mãi kém nên ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh của nhà đầu tư Trung Quốc ở Việt Nam.

Đầu tư của Trung Quốc tại Việt Nam đang chịu những ảnh hưởng từ các vấn đề còn tồn tại giữa hai nước, như vấn đề chất lượng, vấn đề môi trường, tiến độ của một số dự án thầu khoán. Các doanh nghiệp Trung Quốc đã khai thác những ưu thế của thị trường đầu tư Việt Nam, đó là thuế, giá nhân công, các yếu tố đầu vào có giá thành thấp và ưu đãi trong xuất khẩu ra thị trường nước ngoài do các hiệp định thương mại Việt Nam đã ký kết mang lại. Đầu tư của Trung Quốc tăng trưởng chậm, quy mô nhỏ và chưa tương xứng với tiềm năng, năng lực hợp tác của hai nước. Một số dự án do Trung Quốc nhận thầu công trình ở Việt Nam chậm tiến độ, thiết bị công nghệ thấp và phát sinh nhiều sự cố. Đặc biệt, các dự án đầu tư trong ngành dệt may, da giày, nhựa của Trung Quốc có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, nếu như không được kiểm soát chặt chẽ.

*** Nguyên nhân của các hạn chế**

Một là, khi Trung Quốc đã quan hệ sâu rộng với các nước ASEAN, vị trí “cửa ngõ” vào ASEAN của Việt Nam đối với Trung Quốc sẽ bị suy giảm. Trung Quốc đã và đang đẩy mạnh phát triển các tỉnh phía Nam như Vân Nam, Quảng Tây, Quảng Đông trở thành các “trung tâm lan tỏa” quan hệ Trung Quốc với ASEAN bằng việc đầu tư nâng cấp, xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng, khu hợp tác kinh tế..., đồng thời, khai thông đường thủy Mê Kông và mở tuyến đường bộ từ Vân Nam qua Lào, xuống Campuchia đến Vịnh Thái Lan; từ Vân Nam đến Myanmar ra Ấn Độ Dương. Theo đó, hàng hóa từ Trung Quốc vào thị trường ASEAN và ngược lại không nhất thiết phải qua Việt Nam.

Hai là, thâm hụt thương mại với Trung Quốc ngày càng gia tăng, tỷ lệ thuận với tổng kim ngạch thương mại song phương, gây bất ổn cho nền kinh tế Việt Nam. Trong bối cảnh phải đối mặt với thách thức “kép” từ cuộc chiến thương mại Trung - Mỹ và đại dịch COVID-19, Trung Quốc sẽ đẩy

manh khôi phục và phát triển kinh tế với các nước láng giềng, trong đó có Việt Nam. Do hiện nay, cả Việt Nam và Trung Quốc đều đã cơ bản kiểm soát được dịch bệnh, vì vậy thời gian tới, các hoạt động thương mại, trao đổi hàng hóa giữa hai bên sẽ phát triển nhanh chóng. Điều này gia tăng tình trạng Việt Nam nhập siêu từ Trung Quốc. Ngoài ra, Việt Nam ngày càng có nguy cơ trở thành nơi cung cấp nguyên liệu thô, gia công hàng xuất khẩu và tiêu thụ hàng tiêu dùng cho Trung Quốc. Nhiều ngành sản xuất trong nước của Việt Nam đang đứng trước nguy cơ “thua trên sân nhà” trong bối cảnh hàng của Trung Quốc tràn vào với giá cạnh tranh.

Ba là, Trung Quốc đang tăng cường đầu tư vào các nước Lào, Campuchia với tốc độ và quy mô ngày càng lớn, khiến Việt Nam dần mất đi ưu thế so với hai nước này về sức cạnh tranh thu hút đầu tư từ Trung Quốc.

Bốn là, nguy cơ ô nhiễm môi trường. Trung Quốc đẩy mạnh hợp tác với các nước ASEAN, đồng thời gia tăng đầu tư phát triển các tỉnh phía Nam là Vân Nam, Quảng Tây. Theo đó, Trung Quốc tăng cường xây dựng các đập thủy điện ở thượng nguồn sông Mê Kông, sông Hồng; dịch chuyển các trung tâm sản xuất công nghiệp nặng từ nội địa ra khu vực biên giới giáp Việt Nam... Điều này đang đặt ra những thách thức lớn về môi trường đối với Việt Nam như: hạn hán, thiếu nước ở đồng bằng sông Cửu Long, sông Hồng; ô nhiễm môi trường đất, ô nhiễm không khí, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân...

Năm là, vấn đề tranh chấp chủ quyền Biển Đông sẽ ngày càng tiềm ẩn những nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến quan hệ hai nước, cũng như hòa bình, ổn định trong khu vực.

3. Một số khuyến nghị đối với Việt Nam trong quan hệ với Trung Quốc thời gian tới

Thứ nhất, Việt Nam cần thúc đẩy thương mại cân bằng, từng bước giảm nhập siêu từ Trung Quốc, đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu, nguồn cung ứng nguyên nhiên liệu, nhất là trong bối cảnh đại dịch COVID-19 còn diễn biến phức tạp. Nghiên cứu, rà

soát, tái cơ cấu ngành nghề sản xuất để giảm cạnh tranh trực tiếp với hàng hóa Trung Quốc, đồng thời, tranh thủ xâm nhập sâu rộng và hiệu quả hơn vào thị trường Trung Quốc; điều chỉnh cơ cấu hàng xuất khẩu theo hướng giảm tỷ trọng xuất khẩu nguyên, nhiên liệu thô, nâng cao giá trị gia tăng của hàng hóa xuất khẩu sang Trung Quốc; đẩy mạnh trao đổi thương mại biên giới.

Thứ hai, thúc đẩy đầu tư chất lượng cao của Trung Quốc vào Việt Nam. Nâng cao hơn nữa công tác thẩm định, giám sát; chú ý kiểm soát vấn đề nhập cư và các tác động đến môi trường, xã hội; tăng cường chuyển giao công nghệ tiên tiến, kết hợp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; giải quyết nhanh chóng, triệt để những vướng mắc trong các dự án hợp tác hiện nay.

Thứ ba, phối hợp thực hiện tốt văn kiện hợp tác về kết nối “Hai hành lang, một vành đai” đã ký kết; sớm xác định các lĩnh vực ưu tiên, phương hướng trọng điểm và dự án hợp tác cụ thể, phù hợp với lợi ích, khả năng và điều kiện của Việt Nam. Tích cực trao đổi và thúc đẩy với phía Trung Quốc về Thỏa thuận khung về xây dựng Khu hợp tác kinh tế qua biên giới.

Thứ tư, nghiên cứu các biện pháp hợp tác phù hợp trong lĩnh vực tài chính - tiền tệ để có thể huy động nguồn lực tài chính từ Trung Quốc hoặc các khoản vay ưu đãi trong các cơ chế hợp tác đa phương như: Hợp tác Mê Công - Lan Thương (MLC - Hợp tác Mê Công - Lan Thương), Ngân hàng Đầu tư cơ sở hạ tầng châu Á (AIIB - Asian Infrastructure Investment Bank), hợp tác ASEAN - Trung Quốc, đồng thời sử dụng nguồn vốn vay Trung Quốc thận trọng và có hiệu quả, đảm bảo an toàn nợ công.

Thứ năm, đẩy mạnh công tác nghiên cứu kinh tế Trung Quốc, nhất là các chính sách, chiến lược, sáng kiến, khuôn khổ hợp tác của nước này với các nước trong khu vực, có ảnh hưởng đến Việt Nam. Trên thực tế, các chiến lược, chính sách của Trung Quốc với Việt Nam và ASEAN luôn được chuẩn bị bài bản, phối hợp trên nhiều lĩnh vực. Trong khi đó, Việt Nam thường bị động trước các

đề xuất, bước đi của Trung Quốc; thiếu thông tin cũng như những nghiên cứu đầy đủ để có thể đưa ra đối sách kịp thời, hiệu quả. Do vậy, công tác nghiên cứu, đào tạo các chuyên gia và phổ biến, ứng dụng kết quả nghiên cứu về Trung Quốc cần phải được quan tâm đầu tư nhiều hơn nữa.

Thứ sáu, thực hiện các nhiệm vụ được xác định trong Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 nhằm đưa Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh; đạt cơ bản các tiêu chí về phát triển bền vững kinh tế biển; hình thành văn hóa sinh thái biển; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; ngăn chặn nguy cơ ô nhiễm, suy thoái môi trường biển, tình trạng sạt lở bờ biển và biển xâm thực; phục hồi và bảo tồn các hệ sinh thái biển quan trọng. Những thành tựu khoa học mới, tiên tiến, hiện đại trở thành nhân tố trực tiếp thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế biển. Việc phát triển bền vững kinh tế biển sẽ góp phần vào công tác đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

Thứ bảy, tranh thủ vị trí địa - kinh tế chiến lược của Việt Nam để tạo lợi ích đan xen với các nước, trong đó có Trung Quốc. Việt Nam có vị trí địa lý thuận lợi để phát triển kinh tế và nâng cao vị thế đất nước; có đường bờ biển dài, diện tích biển lớn và tài nguyên biển phong phú. Vì vậy, đẩy mạnh mở cửa đối ngoại về kinh tế trên cơ sở xây dựng chính sách, cơ chế đặc biệt để xây dựng và phát triển các thành phố, đặc khu kinh tế mở, thu hút mạnh đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Theo đó, tạo lợi ích đan xen với Trung Quốc và các nước lớn khác như Mỹ, Nga, Nhật, EU... trên lãnh thổ Việt Nam. Với các khu vực trọng yếu về an ninh trên Biển Đông, thuộc lãnh thổ Việt Nam (chẳng hạn Vịnh Cam Ranh, Đảo Bạch Long Vĩ...), các tỉnh biên giới giáp Trung Quốc cần có chính sách đặc thù thu hút đầu tư từ các nước lớn, góp phần quan trọng nâng cao sức mạnh tổng lực quốc gia. Bên cạnh đó, cần tăng cường hợp tác kinh tế với Trung Quốc, tạo lợi ích đan xen lẫn nhau; lấy tăng cường hợp tác để hạn chế những bất đồng.

Có thể nói rằng, những thành tựu, kinh nghiệm mà hai nước đạt được trong thời gian qua là cơ sở vững chắc để hai bên tiếp tục tăng cường, mở rộng, đẩy mạnh, hợp tác và phát huy thế mạnh trong thời gian tới vì lợi ích của Nhân dân mỗi nước để xây dựng, phát triển mối quan hệ hợp tác hữu nghị Việt Nam - Trung Quốc theo hướng “đôi tác hợp tác chiến lược toàn diện”, góp phần vì hoà bình, ổn định và phát triển trong khu vực và trên thế giới □

¹ Hoàng Lâm: *Việt Nam trở thành đối tác thương mại lớn nhất của Trung Quốc trong khu vực*. Nguồn: <https://www.bienphong.com.vn>, truy cập ngày 18-01-2017.

² Đặng Minh Khôi: *Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc năm 2017 mang đậm dấu ấn ngoại giao cấp cao*. Nguồn: <https://dangcongsan.vn>, truy cập ngày 09-02-2018.

³ Nguyễn Bích: *Thương mại Việt - Trung duy trì tăng trưởng ổn định*. Nguồn: <https://www.bienphong.com.vn>, truy cập ngày 14-6-2021.

⁴ Tổng cục Hải quan: *Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tháng 6 và 6 tháng/2021*. Nguồn: <https://www.customs.gov.vn>.

⁵ *Vốn Trung Quốc ồ ạt đổ vào Việt Nam, vượt qua cả vốn đầu tư của Nhật, Hàn*. Nguồn: <https://vietnamnet.vn>, truy cập ngày 13-11-2020.

⁶ *Tình hình dòng vốn đầu tư từ Trung Quốc vào Việt Nam*. Nguồn: <http://investvietnam.gov.vn>.

⁷ Lê Hoàng: *Dòng vốn từ Trung Quốc vào Việt Nam giảm mạnh giữa dịch*. Nguồn: <https://www.thesaigon-times.vn>, truy cập ngày 04-01-2021.

⁸ Phạm Tuyên: *Năm 2020, Việt Nam nhập siêu từ Trung Quốc 35,2 tỷ USD*. Nguồn: <https://tienphong.vn>, truy cập ngày 15-01-2021.

⁹ Phương Dung: *Trung Quốc - thị trường lớn nhất của Việt Nam*. Nguồn: <http://thoibaotaichinhvietnam.vn>, truy cập ngày 27-08-2021.

¹⁰ Hoàng Tuấn Anh, Dương Thị Thùy Linh: *Chính sách thương mại biên giới Việt Nam và Trung Quốc những khác biệt và giải pháp hạn chế*. Nguồn: <http://tapchicongthuong.vn>, truy cập ngày 26-06-2018.

¹¹ Nguyễn Phương Hoa: *Đầu tư trực tiếp của Trung Quốc tại Việt Nam trong 10 năm qua*. Nguồn: <http://www.vnics.org.vn/Default.aspx?ctl=Article&alD=186>

¹² Tiễn Trung: *Đầu tư của Trung Quốc vào ASEAN tăng trưởng nhanh bất chấp dịch bệnh*. Nguồn: <https://www.vietnamplus.vn>, truy cập 12-11-2020.